

Số: 54/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hải Đ, sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi thường trú: tổ 2, khu 6C, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Giang Thanh N, sinh năm 1985;

Địa chỉ nơi thường trú: tổ 2, khu 6C, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Hải Đ và anh Giang Thanh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị Hải Đ và anh Giang Thanh N có 01 (một) con chung là Giang Huyền Nh, sinh ngày 01-7-2019. Hiện nay cháu Nh có sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị Đ và anh N thoả thuận giao con chung là Giang Huyền Nh cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04-2024 cho đến

khi con chung thành niên. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Hải Đ và anh Giang Thanh N thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đ và anh N thỏa thuận chị Đ có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), gồm: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Đ đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000543 ngày 12-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường H1, TP H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga